

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2018

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đây

Bà Kiều Việt Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2018/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX – ST ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi tạm trú: Khu Công nghiệp 3, A, Y, tỉnh Bình Dương.

2- *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi tạm trú: Thôn P, xã M, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2018 và đơn yêu cầu thay đổi ý kiến ngày 20/4/2018, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

1- Về hôn nhân:

Chị và anh Trần Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/7/2007 giấy chứng nhận kết hôn số 69.

Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau hay bất đồng quan điểm. Từ đầu năm 2017 đến nay mỗi người sống mỗi nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Tại văn bản ghi ý kiến của anh H (Bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 10/4/2018 và ngày 07/5/2018, anh H thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

2- Về con chung:

Chị N khai vợ chồng có ba con chung: Trần Nguyễn Nhật L, sinh ngày 20/7/2005; Trần Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 29/8/2008; Trần Nguyễn Quỳnh X, sinh ngày 01/9/2012. Hiện nay các con đang ở với anh H. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con Trần Nguyễn Quỳnh X, không yêu cầu anh H đóng góp nuôi con. Cháu L, cháu V giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh H công nhận vợ chồng có ba con chung như chị N khai và xin được tiếp tục nuôi cả ba con chung, không yêu cầu chị N đóng góp nuôi con. Chị N không được quyền nuôi con và không đủ tư cách làm mẹ các con chung.

3- Về tài sản và nợ: Chị N, anh H đều khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu ý kiến.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung: Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu thay đổi ý kiến của bà Nguyễn Thị N.

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị N và ông Trần Ngọc H

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu Trần Nguyễn Nhật L, sinh ngày 20/7/2005, Trần Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 29/8/2008 cho ông Trần Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Nguyễn Quỳnh X, sinh ngày 01/9/2012 cho bà Nguyễn

Thị N nuôi dưỡng. Các bên chưa phải chấp dưỡng nuôi con. Bà N, ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Trần Ngọc H. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung:

[2-1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/7/2007, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến va chạm phát sinh mâu thuẫn. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Từ đầu năm 2017 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi không quan tâm với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn và anh H cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh H là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2-2] Về con chung:

Chị N có nguyện vọng nuôi con Trần Nguyễn Quỳnh X, sinh ngày 01/9/2012. Hội đồng xét xử xét thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, tại Điều 71 luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên”. Theo xác minh tại địa phương, chị N có nghề nghiệp làm tóc ổn định có điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con hàng ngày. Căn cứ vào Điều 69, Khoản 1 Điều 71; luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị N là được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con Trần Nguyễn Quỳnh X. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên buộc anh H phải giao cháu Trần Nguyễn Quỳnh X, sinh ngày 01/9/2012 cho chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Cháu Trần Nguyễn Nhật L, sinh ngày 20/7/2005 và cháu Trần Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 29/8/2008 đều có nguyện vọng xin được ở với cha, anh H có nguyện vọng được nuôi các con. Căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận

nguyện vọng của anh H là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Đối với anh H thì không đồng ý với yêu cầu của chị N, cho rằng chị N không được quyền nuôi con và không có tư cách làm mẹ với các con. Ý kiến của anh H trái với quy định của luật Hôn nhân và gia đình, và anh H không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh chị N không có tư cách làm mẹ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2-3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nên chị N và anh H chưa bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[2-4] Về tài sản và nợ: Chị N và anh H trình bày không có không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến đề nghị trên của Viện kiểm sát huyện Q phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Điều 55; Điều 69; Khoản 1 Điều 71; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Khoản 3 Điều 82 luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và đơn yêu cầu thay đổi ý kiến của chị Nguyễn Thị N.

2- Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc H.

3- Về con chung:

Giao cháu Trần Nguyễn Nhật L, sinh ngày 20/7/2005 và cháu Trần Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 29/8/2008 cho anh Trần Ngọc H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Ngọc H phải giao cháu Trần Nguyễn Quỳnh X, sinh ngày 01/9/2012 cho chị Nguyễn Thị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc H chưa bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0000511 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7_a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKS huyện Q;
- Chi cục THA DS huyện Q;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thi Thơ